**[QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN](https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/07/20/1419/)**

 **TS.** [**PHẠM NGỌC ANH**](https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/?s=%22PH%E1%BA%A0M+NG%E1%BB%8CC+ANH%22) **–**

 **Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh**

**Những thành tựu nổi bật trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người**

Năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng chính thức tuyên bố đường lối đổi mới, với nội dung cơ bản là chuyển nền kinh tế từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN; dân chủ hóa đời sống xã hội trên cơ sở xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; mở cửa tăng cường giao lưu hợp tác với bên ngoài trên tinh thần Việt Nam sẵn sàng làm bạn với các nước, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Với việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc phát triển, đường lối đổi mới kể trên không chỉ tác động đến kinh tế, xã hội mà đồng thời chi phối mạnh mẽ nhận thức và thực tế bảo đảm quyền con người ở nước ta trong thời gian qua.

Về mặt nhận thức, cùng với việc coi trọng vị thế và vai trò của con người, vấn đề quyền con người cũng được coi trọng và đánh giá tương ứng. Hiến pháp năm 1992 (Điều 50) lần đầu tiên đề cập đến thuật ngữ quyền con người và khẳng định: “ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”. Cùng với khái niệm quyền con người, các khái niệm có liên quan khác như quyền bình đẳng của phụ nữ, quyền trẻ em… cũng được chính thức đề cập trong các văn kiện của Đảng và các văn bản pháp luật, pháp quy của Nhà nước. Điều đó cũng đã tạo nên sự chuyển biến về nhận thức: từ sự đồng nhất một cách ấu trĩ khái niệm quyền con người, như là sản phẩm của chủ nghĩa cá nhân hoặc như là một thứ công cụ chính trị, mà các thế lực tư bản chủ nghĩa ở phương Tây sử dụng để chống phá các nước XHCN đến cách nhìn nhận khách quan hơn, coi nhân quyền là sản phẩm chung, là sự kết tinh của nền văn minh nhân loại; tuy mang tính phức tạp và nhạy cảm, nhưng vẫn là một yếu tố không thể bỏ qua trong đời sống chính trị hiện đại. Xét riêng trên lĩnh vực lập pháp, chỉ tính từ năm 1996 đến năm 2002, Nhà nước đã ban hành 13.000 văn bản pháp luật các loại, trong đó có hơn 40 Bộ Luật và Luật, trên 120 Pháp lệnh, gần 850 văn bản pháp luật của Chính phủ và trên 3.000 văn bản pháp quy của các bộ, ngành, trong đó đã “nội luật hóa” một cách toàn diện những công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX và trong thời kỳ này. Đây là điều mà trong giai đoạn trước hầu như chúng ta chưa làm được.

**Bảo đảm các quyền dân sự, chính trị ở nước ta trong quá trình đổi mới ở Việt Nam,** so với các Hiến pháp năm 1959 và 1980, Hiến pháp năm 1992 đã thể hiện một bước phát triển mới trong việc pháp điển hóa các quyền con người, với việc khẳng định khái niệm và sự tôn trọng các quyền con người (Điều 50) cũng như bổ sung một loạt các quyền và tự do mới trên tất cả các lĩnh vực. Xét trên lĩnh vực dân sự, chính trị, trong Hiến pháp 1992, có 5 quyền quan trọng được ban hành mới hoặc bổ sung thêm, bao gồm: quyền sở hữu tài sản (bao gồm cả tư liệu sản xuất); quyền tự do kinh doanh; quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định; quyền được thông tin theo luật định; quyền bình đẳng của các tôn giáo; quyền không bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Hiến pháp năm 1992 còn đề cập đến việc Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài và mở rộng việc bảo vệ, giúp đỡ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

Nhằm bảo đảm thực hiện các quyền dân sự, chính trị của công dân, bên cạnh Hiến pháp năm 1992, chỉ tính trong giai đoạn 1996 -2001, Quốc hội đã thông qua 40 đạo luật, ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua 40 Pháp lệnh có liên quan đến vấn đề này, tiêu biểu là Bộ Luật Hình sự; Bộ Luật Tố tụng hình sự; Bộ Luật Dân sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Quốc tịch Việt Nam; Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Pháp lệnh Xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam. Gần đây nhất, ngày 27/5/2004, Quốc hội đã thông qua Bộ Luật Tố tụng dân sự đầu tiên ở Việt Nam, bổ sung một công cụ pháp lý quan trọng để bảo đảm các quyền dân sự.

Nội dung đảm bảo quyền dân sự – chính trị ở nước ta được thể hiện một cách cụ thể: – Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân: Bình đẳng trong bầu cử, ứng cử, tự ứng cử; bình đẳng trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và nhiều dạng quan hệ dân sự khác, đặc biệt là bình đẳng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục, khoa học – công nghệ như quyền được học tập của công dân, quyền nghiên cứu, sáng tạo, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu của mọi công dân.

– Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, cụ thể: ngăn ngừa những hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người (trong đó kể cả những bị can, bị cáo và những phạm nhân đang thi hành án phạt tù)…

– Bảo đảm một số quyền dân sự, chính trị khác: Quyền tự do ngôn luận, quyền tự do lập hội, hội họp, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo…

**Bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa**

Nhằm bảo đảm thực hiện các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa của nhân dân trong giai đoạn mới, từ năm 1986 đến nay, bên cạnh Hiến pháp năm 1992, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, trong đó có thể kể như Bộ Luật Dân sự (1995), Bộ Luật Lao động (1994), Luật Giáo dục (1998), Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (1991), Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (1991), Pháp lệnh về người tàn tật (1998)…

Nội dung bảo đảm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa được cụ thể trong các quyền tiêu biểu nhất:

– Bảo đảm quyền làm việc: ở nước ta, quyền làm việc được ghi nhận trong các bản Hiến pháp và được Hiến pháp năm 1992 quy định: “Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động” (Điều 55).

Bên cạnh việc thiết lập một hành lang pháp lý, từ khi đổi mới đến nay, Nhà nước đã xây dựng và thực hiện hàng loạt chính sách, chương trình kinh tế – xã hội nhằm thúc đẩy việc bảo đảm quyền làm việc, tập trung vào việc mở mang, phát triển các ngành nghề tại các địa phương, hỗ trợ các doanh nghiệp, mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo nghề và xuất khẩu lao động…

– Bảo đảm quyền được tiếp cận với giáo dục: Ngay từ khi mới giành được độc lập, Nhà nước ta đã hết sức quan tâm đến quyền được tiếp cận với giáo dục của nhân dân. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH do Đảng đề ra năm 1991 xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu. Quan điểm này được thể chế hóa trong Điều 35 Hiến pháp năm 1992: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Đây là cơ sở tư tưởng cho việc hiện thực hóa quyền được tiếp cận với giáo dục của nhân dân trong thời kỳ mới.

Bên cạnh quy định kể trên, Hiến pháp năm 1992 cũng nêu rõ, học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân (Điều 59), đồng thời xác định nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền này (Điều 36). Trên cơ sở đó, một loạt các văn bản pháp luật khác được ban hành nhằm cụ thể hóa việc bảo đảm quyền được tiếp cận với giáo dục, trong đó quan trọng nhất là Luật Giáo dục (năm 1998).

– Bảo đảm quyền được chăm sóc y tế: Từ khi đổi mới đến nay, cũng giống như các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác, có sự chuyển đổi về hướng tiếp cận việc bảo đảm quyền được chăm sóc y tế từ chế độ bao cấp hoàn toàn của Nhà nước sang hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ y tế, thực hiện chế độ BHYT, tạo điều kiện để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe. Sự chuyển đổi này không có nghĩa là Nhà nước giảm bớt sự quan tâm đến việc bảo đảm quyền được chăm sóc y tế của nhân dân, mà ngược lại, Nhà nước vẫn thừa nhận và nỗ lực bảo đảm quyền này, nhưng theo một cách thức phù hợp và hiệu quả hơn.

– Quyền được bảo đảm xã hội: Từ khi đổi mới, Đảng và Nhà nước chủ trương đổi mới chính sách bảo đảm xã hội theo hướng mọi người lao động và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có nghĩa vụ đóng góp BHXH, tách quỹ BHXH với công nhân, viên chức nhà nước và những người làm công ăn lương ra khỏi ngân sách theo hướng xã hội hóa công tác BHXH. Điều 56 Hiến pháp 1992 quy định: “Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ BHXH đối với viên chức nhà nước và những người làm công ăn lương, khuyến khích phát triển các hình thức BHXH khác đối với người lao động”. Ban hành Luật BHXH (2006), hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2007 đối với BHXH bắt buộc, từ ngày 1/1/2008 đối với BHXH tự nguyện và từ ngày 1/1/2009 đối với bảo hiểm thất nghiệp.

Nhờ đổi mới hướng tiếp cận trong chính sách, pháp luật về công tác BHXH, việc thực hiện quyền được BHXH ở nước ta từ khi đổi mới đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ: Số lượng đối tượng tham gia và được hưởng BHXH ngày càng được mở rộng, quyền được BHXH có sự phát triển về chất; mức trợ cấp bình quân cho các đối tượng BHXH nói chung và mức tiền lương hưu bình quân nói riêng liên tục tăng. Thành công nổi bật nhất trong việc thực hiện quyền được bảo đảm xã hội ở nước ta từ khi đổi mới đến nay là việc thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo – một chủ trường và quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước ta trong lĩnh vực kinh tế, xã hội. Xuất phát từ quan điểm: Vấn đề nghèo khó không được giải quyết thì không có một mục tiêu nào mà cộng đồng quốc tế, cũng như quốc gia đặt ra như tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống, hòa bình, ổn định, bảo đảm các quyền con người được thực hiện, Nhà nước ta đã coi Chương trình xóa đói giảm nghèo là một trong bảy chương trình mục tiêu quốc gia và đã có những ưu tiên đặc biệt về nguồn nhân lực, vật lực cho chương trình này.

**Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện quyền con người ở nước ta hiện nay**

Mặc dù về cơ bản, pháp luật nước ta không mâu thuẫn với các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền và việc bảo đảm các quyền con người trên thực tế là phù hợp, thậm chí ở mức tiến bộ, so với thông lệ quốc tế; tuy nhiên, trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay vẫn còn một số vấn đề tồn tại nhất định.

– Về nhận thức của cán bộ, công chức: Thực tế cho thấy, hiểu biết về nhân quyền ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, dẫn đến có những hành động cố ý hoặc vô ý vi phạm các quyền hợp pháp của công dân, đặc biệt là ở một số cơ quan công quyền và một số cơ quan tư pháp. Sự hạn chế như vậy có nguyên nhân từ công tác tuyên truyền, giáo dục về nhân quyền.

– Sự tham gia của các cơ quan thông tin đại chúng trong hoạt động tuyên truyền và đấu tranh chống vi phạm nhân quyền: Các phương tiện thông tin đại chúng ở nước ta hiện nay chủ yếu đề cập đến vấn đề nhân quyền dưới dạng phê phán sự xuyên tạc, lợi dụng nhân quyền để chống phá ta của các thế lực phản động, thù địch. Nhân quyền được coi là một vấn đề nhạy cảm, ít khi những vấn đề nhân quyền trong nước được đề cập một cách trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Cơ chế bảo đảm nhân quyền chưa hiệu quả: Hiện nay, nước ta vẫn chưa có một cơ quan chuyên trách về vấn đề thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền; chưa có một quy chế chặt chẽ trong việc xử lý các tố cáo và vi phạm nhân quyền.

– Sự thiếu hụt các nguồn vật chất bảo đảm: Mặc dù đòi hỏi ở mức độ khác nhau, song việc bảo đảm bất cứ quyền con người nào cũng không thể tách rời các điều kiện vật chất. Do những khó khăn về kinh tế, ở nước ta hiện nay còn thiếu các điều kiện để chăm sóc, giải quyết việc làm cho các đối tượng: những người bị nhiễm HIV/AIDS, những người làm mại dâm, những người vi phạm pháp luật sau khi mãn hạn tù…

**Các giải pháp bảo đảm phát triển các quyền cơ bản của con người**

Bảo đảm thực hiện quyền con người được đặt ra trước hết xuất phát từ mục tiêu, bản chất của chế độ; đó cũng là một trong những nội dung và đặc trưng rất cơ bản và quan trọng của Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng ta đang xây dựng; đồng thời, trước xu thế dân chủ hóa, giao lưu và hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, đòi hỏi quyền con người và các quyền tự do cơ bản của cá nhân công dân phải được tôn trọng và tăng cường hơn nữa. Trước yêu cầu đó, trong điều kiện nước ta hiện nay, bảo đảm hiện thực hóa quyền con người cần phải áp dụng một hệ thống đồng bộ các nhóm giải pháp.

**Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người, quyền công dân**

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta và trong các Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X đều xác định: Nhà nước ta định ra các đạo luật quy định quyền con người, quyền công dân, trong đó bên cạnh các luật về kinh tế, Nhà nước cần ưu tiên xây dựng các luật về quyền công dân.’ nước ta, tồn tại một nguyên tắc Hiến định: các quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp và Luật. Như thế, các quyền được quy định trong Hiến pháp tạo thành hệ thống các quyền và nghĩa vụ cơ bản có tính nguyên tắc nền tảng. Các quyền được quy định trong luật, một mặt, là cụ thể hóa các quyền trong Hiến pháp, mặt khác, phát triển và bổ sung thêm những quyền mới. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người, quyền công dân đòi hỏi tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội như là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người.

Trước mắt, cần tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm các quyền con người về dân sự, chính trị; các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội như quyền trẻ em, quyền phụ nữ; quyền của công dân cao tuổi… Để làm được điều đó, cần có sự nghiên cứu và tổng kết toàn diện và sâu sắc hệ thống pháp luật hiện hành, có sự phân tích, so sánh đối chiếu với các quy định quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia.

Trên cơ sở các quan điểm về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đặt ra trong thời gian tới, các quy phạm pháp luật về các quyền dân sự, chính trị cần được chế định thêm, cụ thể và rõ ràng hơn trong Hiến pháp; tiến tới mỗi quyền trong Hiến pháp cần được quy định trong một đạo luật cụ thể, chẳng hạn như quyền được thông tin (cần có Luật về thông tin); quyền tự do lập hội, hội họp (cần phải sửa đổi luật hiện hành); các quyền tham gia công việc nhà nước như quy định về trưng cầu dân ý (cần có Luật trưng cầu dân ý); các quy định về dân chủ ở cơ sở (cần nâng cấp Quy chế dân chủ ở cơ sở lên thành Luật về dân chủ ở cơ sở…).

Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng cần gấp rút được nghiên cứu và tổng kết thực tiễn; trên cơ sở đó chế định quyền sở hữu cá nhân cần phải được quy định cụ thể hơn. Vì đây là quyền giữ vị trí chi phối các quyền khác. Theo đó, cần hoàn thiện pháp luật cụ thể hóa Điều 58 Hiến pháp 1992, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để cá nhân, công dân tự kiểm soát, bảo vệ tài sản của mình và Nhà nước thông qua công cụ pháp lý và bộ máy chuyên chính có trách nhiệm bảo vệ tài sản của cá nhân, công dân. Chỉ khi quyền sở hữu cá nhân được bảo đảm, công dân mới an tâm đưa vốn vào sản xuất kinh doanh, tạo ra của cải làm giàu cho bản thân và xã hội.

Trong nhà nước pháp quyền không chỉ bảo vệ quyền lợi của người dân nói chung mà xuất phát từ đặc thù về thể chất, tâm lý, quyền lợi của trẻ em, phụ nữ, công dân cao tuổi cũng như những người bị khuyết tật… phải được coi là đối tượng ưu tiên trong việc bảo vệ, yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi của nhóm đối tượng này là: Không được có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào trong các quy định của pháp luật; quyền lợi của họ phải được bảo đảm trên thực tế. Đồng thời, từ chủ nghĩa nhân văn, “uống nước nhớ nguồn”, sớm hoàn thiện nâng lên thành luật định bảo đảm quyền lợi của gia đình cách mạng và người có công với đất nước trước những biến đổi sâu sắc của bối cảnh xã hội và những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường.

**Xây dựng chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát bảo đảm nhân dân tham gia thực sự công việc nhà nước**

Trước mắt và trong thời gian tới đối với cán bộ, công chức nhà nước trong mối quan hệ với nhân dân (quan hệ cá nhân và Nhà nước) đòi hỏi xây dựng chế độ trách nhiệm bảo đảm mỗi cán bộ, công chức nhà nước có thể phát huy hết năng lực cá nhân; đồng thời, xác định cụ thể trách nhiệm cá nhân của mỗi cán bộ, công chức nhà nước trong quá trình thực thi công vụ, giảm thiểu nguy cơ có thể xâm phạm quyền của công dân. Theo đó, pháp luật phải cụ thể hóa mối quan hệ giữa cá nhân, công dân với Nhà nước. Nhà nước là tổ chức công quyền, nghĩa là người làm công, mang quyền lực được ủy quyền từ nhân dân, do đó xác định cụ thể các quyền của công dân theo hướng công dân có quyền được làm tất cả những gì luật pháp không cấm, còn cán bộ, công chức nhà nước chỉ được phép làm những gì mà luật pháp quy định. Đồng thời, trách nhiệm của Nhà nước là phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện quyền con người; và công dân cũng phải làm tròn những nghĩa vụ phát sinh từ việc hưởng thụ các quyền do Hiến pháp và pháp luật quy định.

Quyền và nghĩa vụ qua lại giữa Nhà nước và công dân bảo đảm tính ràng buộc hai chiều, trước hết nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức là phục vụ nhân dân, chứ không phải “làm quan cách mạng”. Trong điều kiện nước ta hiện nay, đòi hỏi chuyển mạnh từ “nền hành chính cai trị sang nền hành chính phục vụ”.

Phát huy dân chủ, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực, chủ động vào công việc nhà nước, công việc xã hội, trong đó có việc nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước, hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước. Kiểm tra và giám sát hoạt động của Nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước – những người phục vụ nhân dân, đòi hỏi Nhà nước phải báo cáo hoạt động trước nhân dân, bảo đảm quyền của công dân được cung cấp thông tin một cách chân thực và chính xác từ phía cơ quan công quyền. Những người trực tiếp do nhân dân bầu ra, phải thường xuyên tiếp xúc với nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức nhà nước, tăng cường hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nhất là tổ, khu dân phố nơi cán bộ, vợ con của cán bộ, công chức sinh sống và làm việc.

**Xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, giảm sự phân hóa giàu nghèo, nền tảng cho phát triển bền vững**

Bảo đảm thực hiện quyền con người trong nhà nước pháp quyền XHCN tự bản thân đã đòi hỏi nghèo đói phải được giải quyết về căn bản. Điều đó cho thấy, bảo đảm quyền kinh tế cho mọi người, quyền bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế, đòi hỏi chiến lược xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội và dần dần giảm sự phân cách giàu nghèo là rất quan trọng.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phải là một xã hội người giàu với số lượng ngày càng đông và người nghèo số lượng ngày càng giảm. Để thực hiện được điều đó, vấn đề quan trọng hiện nay là Nhà nước với vai trò điều tiết vĩ mô, quản lý nền kinh tế, dùng công cụ, sức mạnh thông qua chính sách thuế, thực hiện việc điều tiết, phân phối lợi ích và bảo đảm phúc lợi xã hội, trong đó chú trọng đến các đối tượng hưởng chính sách xã hội, đến vùng sâu, vùng xa; đồng thời, có chiến lược phát triển kinh tế vùng miền, bảo đảm vùng sâu, vùng xa dần tiến kịp với các thành phố, đô thị…

Kinh nghiệm chỉ ra rằng, những bất ổn về chính trị, sự phân hóa và ly khai có những nguyên nhân sâu xa của nó, nhưng đều bắt nguồn từ sự phân bổ không công bằng về lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần và sự phân cách giàu nghèo quá lớn trong xã hội. Vì thế, để khắc phục tình trạng trên, cần thực hiện tốt chiến lược xóa đói, giảm nghèo. Trong đó, việc đào tạo nghề, cho vay vốn, ưu tiên trong giáo dục, đào tạo, trong đầu tư… đối với đối tượng nghèo, gia đình khó khăn, gia đình thuộc diện chính sách, con em nông dân và đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số phải là bước đi đầu tiên trong hoạch định chính sách cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Và phát triển đồng đều phải trở thành một nguyên tắc trong hoạch định chính sách xã hội, chính sách kinh tế.

**Tăng cường bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự**

Bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự, đó là trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và cả quá trình giam giữ, cải tạo phạm nhân, bảo đảm rằng mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, và suốt quá trình tiến hành tố tụng không được làm oan người vô tội. Người phạm tội phải bị đưa ra xét xử, chịu hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội. Những mục đích của hình phạt lại không phải chỉ là trừng trị mà giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm là mục đích ưu tiên hàng đầu. Đây là yêu cầu rất cơ bản để bảo đảm quyền con người trong nhà nước pháp quyền XHCN.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, đòi hỏi xây dựng được một đội ngũ cán bộ tư pháp tận tâm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời hoàn thiện kể cả về tổ chức với một cơ chế giám sát, chỉ đạo điều hành chặt chẽ từ phía Đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể, nhân dân là rất cần thiết.

– Trước hết, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan tư pháp. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng không phải là can thiệp vào hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, mà bảo đảm sự lãnh đạo chỉ đạo bằng đường lối, chủ trương lớn ở tầm vĩ mô; về xây dựng tổ chức, bộ máy, về công tác cán bộ…

– Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với cơ quan tư pháp.

– Tăng cường sự giám sát của đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm sự tham gia trong lĩnh vực đấu tranh phát giác tội phạm và tham gia hoạt động xét xử (cơ chế hội thẩm).

– Cuối cùng, nhưng chiếm vị trí quan trọng là nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp. Luật sư phải là người đại diện thực sự cho thân chủ. Sự tham gia của luật sư là để giúp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình tiến hành tố tụng, nhanh chóng làm sáng tỏ bản chất thật sự của vụ án, tránh và giảm thiểu đến mức thấp nhất oan sai, không vô tư, khách quan trong hoạt động tố tụng.